

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TM HOA MAI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TM HOA MAI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOA MAI TM SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOA MAI TM SERVICES CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110363045

3. Ngày thành lập: 24/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 179 phố Huế, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0362870376

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: +Thang máy; thang cuốn; +Cửa cuốn, cửa tự động; +Dây dẫn chống sét; +Hệ thống hút bụi; +Hệ thống âm thanh; +Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
7.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Kinh doanh thực phẩm chức năng - Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633

9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dụng cụ y tế - Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc	4649
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4659
12.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha	4661
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim; vật liệu lắp đặt trong xây dựng	4663
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn tinh dầu, dầu thơm, hương liệu - Bán buôn sản phẩm nông hóa	4669(Chính)
15.	Trồng lúa	0111
16.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
17.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
18.	Trồng cây mía	0114
19.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
20.	Trồng cây lấy sợi	0116
21.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
22.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118

23.	Trồng cây hàng năm khác	0119
24.	Trồng cây ăn quả	0121
25.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
26.	Trồng cây điều	0123
27.	Trồng cây hồ tiêu	0124
28.	Trồng cây cao su	0125
29.	Trồng cây cà phê	0126
30.	Trồng cây chè	0127
31.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
32.	Trồng cây lâu năm khác	0129
33.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
34.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
35.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
36.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
37.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
38.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
39.	Chăn nuôi gia cầm	0146
40.	Chăn nuôi khác	0149
41.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
42.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
43.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
44.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
45.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
46.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
47.	Khai thác thủy sản biển	0311
48.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
49.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
50.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

52.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Dịch vụ tư vấn đấu thầu; - Dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc công trình xây dựng - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng	7110
53.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
54.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
55.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
56.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
57.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
58.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
59.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
60.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
61.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
62.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
63.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
64.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
65.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
66.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
67.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
68.	Sản xuất đường	1072
69.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
70.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
71.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
72.	Sản xuất chè	1076
73.	Sản xuất cà phê	1077
74.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
75.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
76.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
77.	Sản xuất than cốc	1910

78.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế Chi tiết: Sản xuất than củi từ các loại cây, gỗ (trừ hoạt động đốt than thủ công trong rừng)	1920
79.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
80.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: - Sản xuất phân bón hữu cơ, - Sản xuất phân đạm ni tơ nguyên chất hoặc hỗn hợp, phân lân hoặc phân kali, - Sản xuất phân urê, phân lân thô tự nhiên và muối kali thô tự nhiên.	2012
81.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: - Sản xuất thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt côn trùng gặm nhấm, thuốc diệt cỏ; - Sản xuất các sản phẩm chống mọc mầm, máy điều chỉnh tốc độ phát triển của cây; - Sản xuất chất tẩy uế (cho nông nghiệp và cho các mục đích sử dụng khác); - Sản xuất các sản phẩm hoá nông khác chưa phân vào đâu	2021
82.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chiết xuất các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm	2029
83.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc thú y	2100
84.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
85.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
86.	Xây dựng nhà để ở	4101
87.	Xây dựng nhà không để ở	4102
88.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
89.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
90.	Xây dựng công trình điện	4221
91.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
92.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
93.	Xây dựng công trình công ích khác	4229

94.	Xây dựng công trình thủy	4291
95.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
96.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
97.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
98.	Phá dỡ (Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4311
99.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4312
100.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
101.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
102.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ đồ dùng gia đình khác bằng gỗ, song mây, tre, cói đan - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
103.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Cơ sở bán lẻ thuốc; - Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772
104.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ phân bón; - Bán lẻ than, củi	4773

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM THỊ MAI

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 13/12/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034192013848

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Bình, Xã Bình Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Xuân Bình, Xã Bình Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/12/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034192013848

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Bình, Xã Bình Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Xuân Bình, Xã Bình Khê, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội